

Bản án số: 22/2018/HS-PT

Ngày: 05-02-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Hiền

Ông Trần Khánh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Sơn Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 183/2017/TLPT-HS ngày 04/12/2017, đối với các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S, Tô Văn Th, Tô Văn T1, Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 79/2017/HS-ST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1. Ân Văn T, sinh năm 1971; Nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã L, Đ (nay là thành phố T), tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán đìu; Tôn giáo: Không; Con ông Ân Văn N (Đã chết), con bà Diệp Thị L, sinh năm 1943. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ tư. Có vợ là Đặng Thị T2, sinh năm 1971; có 02 con, lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2017 đến ngày 15/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Tô Văn S (tên gọi khác Tô Văn V), sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán đìu; Tôn giáo: Không; Con ông Tô Văn N1, sinh năm 1956, con bà Trương Thị S, sinh năm 1958. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba. Có vợ là Đặng Thị Th, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh

năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Tô Văn Th, sinh năm 1981; Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không; Con ông Tô Văn L, con bà Lê Thị L1 (đều đã chết). Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ sáu. Có vợ là Diệp Thị N, sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Tô Văn T1, sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 6/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không; Con ông Tô Văn H, con bà Nguyễn Thị T3 (đều đã chết). Gia đình có 11 anh em, bị cáo là con thứ tám. Có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1973 (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/6/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2017 đến ngày 10/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Đặng Thị H, sinh năm 1983; Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã L, Đ (nay thành phố T), tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn H2 (đã chết), con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có chồng là Bùi Quang H3, sinh năm 1979; có 01 con, sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Liễu Văn B, sinh năm 1989; Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không; Con ông Liễu Văn S, sinh năm 1951, con bà Lê Thị Q, sinh năm 1953. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ bảy. Có vợ là Đặng Thị X, sinh năm 1994 (đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

7. Ân Văn Ho, sinh năm 1994; Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã L, Đ (nay thành phố T), tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không; Con ông Ân Văn T, sinh năm 1971, con bà Đặng Thị T2, sinh năm 1971. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1994; có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

* Các bị cáo không kháng cáo: Tòa không triệu tập

1. Ân Văn T3, sinh năm 1990;

2. Ân Văn D, sinh năm 1986;

3. Ân Văn Đ, sinh năm 1982;

4. Ân Văn T4, sinh năm 1982;

Đều trú tại: Xóm C, xã L, Đ(nay là thành phố T), tỉnh Thái Nguyên;

5. Tô Văn S, sinh năm 1984;

6. Đặng Thị Th, sinh năm 1986;

7. Tô Văn H1, sinh năm 1986;

8. Tô Văn H2, sinh năm 1975

Đều trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

9. Vi Văn T4, sinh năm 1978

Trú tại: Xóm Th, xã L, Đ (nay là thành phố T), tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 23 giờ ngày 04/4/2017, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại khu vực vườn sau nhà Tô Văn Th, ở xóm Đ, xã N, huyện Đ có một số đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Tổ công tác đã phối hợp với Công an xã Nam Hòa phát hiện và bắt giữ: Ân Văn T, Ân Văn T3, Vi Văn T4, Ân Văn D, Tô Văn T1, Tô Văn S, Đặng Thị Th, Trần Thị T5, Liễu Thị L, Diệp Thị Ng, còn một số đối tượng bỏ chạy thoát.

Cùng ngày đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tô Văn Th thu giữ: 3.000.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Diệp Thị Ng là vợ Th giao nộp; 01 khẩu súng tự chế, loại súng bắn bi côn; 01 lọ côn; 01 cục nam châm có dính 15 viên bi sắt; 03 mảnh tre kích thước 20cm x 1,5cm; 03 mẫu tre kích thước 2cm x 1,5cm; 01 con dao dạng dao tông, dài khoảng 40cm.

Tại Bản kết luận giám định số 2311/C54 (P3) của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Khẩu súng thu trong vụ án nêu trên là súng tự chế bắn bi bằng hơi côn- thuộc đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng; 05 viên kim loại gửi giám định dùng bắn được cho khẩu súng trên.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 20^h30' ngày 04/4/2017, Th có gọi điện cho S đến nhà Th để chơi. Khi S sang đến nhà Th thì có T, T4, Th đang ngồi uống nước. Thấy S thì T có nói: Có chơi không (ý của T là rủ đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa). S nói: Chơi thì chơi, chú đi cắt quân đi, sau đó T nói với Th: cho làm tý (ý nói với Th là cho đánh bạc ở nhà Th), Th đồng ý, T vào bếp nhà Th lấy dao, đóm và cắt 4 quân vị, hơ đen một mặt, lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ rồi đi ra sau nhà Th. S nói với Th: anh đi xem cho em (ý là đi canh gác) nếu thấy có người lạ hoặc

công an thì báo cho mọi người. Th đồng ý, lúc này có thêm T3 và Đ đến, S cầm theo 01 chiếc chiếu hình chữ nhật trên hiên bếp nhà Th ra vườn sau nhà cùng nhau chơi bạc. Biết nhà Th có người đánh bạc nên T3 đã mang tiền đến, mục đích nếu có ai thiếu tiền đánh bạc T3 sẽ cho vay, lãi được tính 50.000đ/1 triệu đồng. Quá trình chơi có khoảng 7, 8 người đến sau, khi bắt đầu chơi T là người xóc cái, chơi được 5,6 ván thì T nói: Mỗi người nộp 50.000đ để trả cho chủ nhà, mọi người để tiền xuống chiếu, S thu được 500.000đ đưa cho Th. Sau khi xóc cái được khoảng 10 ván thì T hết tiền nên H1 vào xóc cái, H1 xóc cái được khoảng 7 ván thì T lại vào xóc cái thay đến khi bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Hình thức đánh bạc được quy ước như sau: Khi bắt đầu chơi, người xóc cái cho quân đóm vào đĩa và úp bát lên xóc. Ngồi bên trái xóc cái là bên lẻ, ngồi bên phải xóc cái là bên chẵn. Kết quả chẵn, lẻ được tính như sau: Nếu có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu là chẵn, còn ngược lại có 01 hoặc 03 quân vị cùng màu là lẻ. Người chơi sẽ đặt tiền cược vào bên chẵn hoặc lẻ nếu thắng bạc được hưởng số tiền bằng gấp đôi tiền đặt cược, nếu thua bạc thì bị mất số tiền đã đặt cược. Người xóc cái lấy tiền của những người thua bạc trả cho những người thắng bạc, nếu tổng số tiền đặt cược của người thua bạc nhỏ hơn số tiền đặt cược của người thắng bạc thì người cầm cái phải lấy tiền của mình ra bù vào trả cho người thắng bạc, ngược lại số tiền đặt cược của người thua bạc lớn hơn số tiền đặt cược của người thắng bạc thì sau khi trả tiền cho người thắng bạc xong người cầm cái được hưởng số tiền chênh lệch còn lại. Người tham gia đánh bạc ít nhất là 2 ván, nhiều nhất là khoảng 20 ván số tiền đặt cược thấp nhất là 20.000đ cao nhất là 200.000đ.

Khi đánh bạc Ân Văn T có 3.200.000đ, ; Ân Văn T2 có 250.000đ; Ân Văn D có 100.000đ, đặt cược 2 ván, mỗi ván 50.000đ; Ân Văn T3 có 1.000.000đ; Tô Văn T1 có 115.000đ; Tô Văn S có 200.000đ ; Đặng Thị T3 cho T vay 3.000.000đ, H1 vay 10.000.000đ (H1 đã trả cho T3 5.000.000đ); T2 vay 1.000.000đ; Đ vay 3.000.000đ để đánh bạc. T3 đã lấy lãi của Đ, T, H1 được tổng số tiền là 800.000đ; Đặng Thị H có 150.000đ, đặt cược 3 ván, mỗi ván 50.000đ; Ân Văn Đ có 500.000đ, đặt cược khoảng từ 8 – 10 ván, mỗi ván 50.000đ; Ân Văn T3 có 500.000đ, đặt cược khoảng 10 ván, ván ít nhất là 50.000đ, cao nhất là 100.000đ; Tô Văn S (V) có 2.000.000đ, đặt cược khoảng 15 ván, ván ít nhất là 50.000đ, cao nhất là 100.000đ; Tô Văn Hải có 580.000đ, đặt cược khoảng 20 ván, mỗi ván 50.000đ; Liễu Văn B có 500.000đ, đặt cược khoảng 7 – 8 ván, mỗi ván 50.000đ; Tô Văn H2 có 100.000đ, đặt cược khoảng 10 ván, mỗi ván 50.000đ; Ân Văn Ho có 1.000.000đ, đặt cược khoảng 10 ván, ván ít nhất là 50.000đ, cao nhất là 100.000đ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếu nhựa hình chữ nhật, 01 bát sứ màu trắng hình tròn, 01 đĩa sứ màu trắng viền trong lòng đĩa màu vàng, 04 quân bài bằng tre đều

có hình chữ nhật, một mặt được bôi đen; 6.920.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Thu giữ trên người các bị cáo: Ân Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 112, vỏ màu đen, đã qua sử dụng; Ân Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model RM- 1133 vỏ màu đen đã qua sử dụng, 250.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Vi Văn Tình 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA X1 vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng; Tô Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone, model X6516, vỏ màu xanh đen, 65.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Ân Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, model GI-E1200T, vỏ màu trắng bạc, đã qua sử dụng; Liễu Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model A33W, vỏ màu trắng đã qua sử dụng, 420.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Trần Thị Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 màu bạc đã qua sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79 ngày 27/10/2017 Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (V) phạm tội “Tổ chức đánh bạc và “Đánh bạc”; Bị cáo Tô Văn Th phạm tội “Gá bạc”; Các bị cáo Tô Văn T1, Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt Ân Văn T 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 05/4/2017 đến ngày 15/6/2017. Xử phạt Tô Văn S (V) 05 tháng tù về tội “Đánh bạc”; 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 17 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt Tô Văn Th 12 tháng tù về tội “Gá bạc”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt Tô Văn T1 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2017 đến ngày 10/6/2017.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho mỗi bị cáo 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo: Ân Văn T2, Ân Văn D, Vi Văn T3, Tô Văn S, Đặng Thị Th, Ân Văn Đ, Ân Văn T4, Tô Văn H, Tô Văn H1 mỗi bị cáo 05 tháng tù cho hưởng án treo. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn Quyết định hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, buộc các bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/11/2017 các bị cáo Ân Văn Ho, Tô Văn T1, Đặng Thị H, Liễu Văn B kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/11/2017 bị cáo Tô Văn Th kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 04/11/2017 bị cáo Tô Văn S (V) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/11/2017 bị cáo Ân Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (tức V), Tô Văn T1 xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Phần kết luận tại phiên tòa hôm nay: Sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án xác định các bị cáo tham gia chơi bạc không có sự bàn bạc, phân công nhau, vai trò của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo cũng như các vấn đề liên quan tới kháng cáo của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (tức V), Tô Văn T1, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tô Văn Th, Liễu Văn B, Đặng Thị H, Ân Văn Ho, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 79 ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Tô Văn Th 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Liễu Văn B 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; bị cáo Đặng Thị H 05 tháng tù cho hưởng án treo 12 tháng thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; bị cáo Ân Văn Ho 05 tháng tù cho hưởng án treo 12 tháng thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; Giao các bị cáo Th, B cho ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; bị cáo H, Ho cho ủy ban nhân dân xã L, Đ (nay là thành phố T), tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Ghi nhận việc các bị cáo đã nộp khoản tiền phạt bổ sung tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Các bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đều ân hận việc mình đã vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (tức V), Tô Văn T1 đã rút tòa bộ đơn kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (tức V), Tô Văn T1. Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn của các bị cáo. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Tô Văn Th, Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Tô Văn Th, Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã mô tả: Hồi 23 giờ ngày 04/4/2017 Ân Văn T, Tô Văn S (V) đã có hành vi chuẩn bị quân vị, địa điểm, chiếu bạc để tổ chức và tham gia đánh bạc tại khu vườn sau nhà Tô Văn Th tại xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cùng với Ân Văn T2, Ân Văn D, Vi Văn T3, Tô Văn T1, Tô Văn S, Đặng Thị T4, Đặng Thị H, Ân Văn Đ, Ân Văn T5, Tô Văn H1, Liễu Văn B, Tô Văn H2, Ân Văn Ho. Quá trình đánh bạc, Sơn đã thu tiền hồ lý rồi đưa cho Tô Văn Thái 500.000đ nói là tiền thuê địa điểm và trông giữ. Đến 00 giờ 10 phút ngày 05/4/2017 thì bị tổ công tác Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 6.920.000đ và một số vật chứng khác có liên quan.

Với hành vi trên Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (V) về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”; bị cáo Tô Văn Th về tội “Gá bạc”; các bị cáo Tô Văn T1, Ân Văn Ho, Liễu Văn B, Đặng Thị H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Tô Văn Th, Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo, xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo xử phạt bị cáo Tô Văn Th 12 tháng tù; bị cáo Đặng Thị H 05 tháng tù; bị cáo Liễu Văn B 05 tháng tù; bị cáo Ân Văn Ho 05 tháng tù. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đánh bạc là từ việc gia đình bị cáo Th có việc tổ chức ăn cơm uống rượu vui và do bột phát không có

sự bàn bạc, phân công cụ thể, các bị cáo trong vụ án hầu như là anh em họ hàng, đều xuất thân từ người lao động nhất thời phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn, ăn năn hối lỗi khai nhận hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu, các bị cáo B, H, H phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận bảo lãnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tạo điều kiện cho các bị cáo hưởng án treo địa phương có trách nhiệm quản lý giáo dục. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo còn được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét toàn diện vụ án Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly xã hội đối với các bị cáo, mở lượng khoan hồng cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo, thể hiện tính khoan hồng trong pháp luật Nhà nước ta.

Ghi nhận các bị cáo H, B, Ho đã nộp xong khoản tiền phạt bổ sung, còn đối với bị cáo Tô Văn Th quá trình thu giữ có thu của Th 3.000.000đ cấp sơ thẩm xác định tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Th, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Th nộp tiền phạt bổ sung và tiền thu lợi bất chính là 2.500.000đ, như vậy bị cáo Th đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung và tiền truy thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét lại.

Đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b,đ khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc rút kháng cáo của các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (V), Tô Văn T1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (V), Tô Văn T1.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tô Văn Th, Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 79 ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn Th phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Ân Văn Ho, Liễu Văn B, Đặng Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Tô Văn Th 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

* Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

- Đặng Thị H 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Liễu Văn B 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Ân Văn Ho 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Tô Văn Th, Liễu Văn B cho ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Đặng Thị H, Ân Văn Ho cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ (nay là thành phố T), tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Ghi nhận bị cáo Tô Văn Th, Đặng Thị H, Liễu Văn B, Ân Văn Ho đã nộp khoản tiền phạt bổ sung tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai của bị cáo H số 0005556 ngày 01/2/2018; biên lai của bị cáo B số 0005450 ngày 08/01/2018; biên lai của bị cáo Ho số 0005555 ngày 01/02/2018; biên lai của bị cáo Th số 0005554 ngày 29/01/2018.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Án phí: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí . Các bị cáo Ân Văn T, Tô Văn S (V), Tô Văn Th, Ân Văn Ho, Tô Văn T1, Liễu Văn B, Đặng Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh TN; Sở TP;
- TAND H. Đồng Hỷ;
- VKSND H. Đồng Hỷ;
- CA H. Đồng Hỷ;
- UBND xã N;
- UBND xã L;
- THADS H. Đồng Hỷ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Phương

